

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-9-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lữ Khắc Hồi;

Bà Trần Thị Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiên Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 485/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp R, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Thùy L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2021 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn B là nguyên đơn trình bày: Anh với chị Ngô Thị Thùy L xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở quen biết vào năm 2002. Anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền mà chỉ làm thủ tục kết hôn theo phong tục địa phương. Trong quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Bình H, sinh ngày 28 tháng 3

năm 2003, hiện đang sống với anh B. Anh chị không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được thời gian đầu, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng ý kiến trong cuộc sống hằng ngày và đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Đến năm 2009 anh chị sống ly thân cho đến nay.

Nay nhận thấy không thể hàn gắn và duy trì cuộc sống vợ chồng nên anh B yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Ngô Thị Thùy L.
- Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Bình H, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2003, đã thành niên nên anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ngô Thị Thùy L là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự có cơ hội đoàn tụ và thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên việc hòa giải không thành tiến hành được do chị Ngô Thị Thùy L vắng mặt. Anh Nguyễn Văn B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Chị Ngô Thị Thùy L đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị Ngô Thị Thùy L đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả anh B và chị L.

[2] Về mặt nội dung: Anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị Thùy L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2002, chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Trong quá trình chung sống giữa anh B và

chị L có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Đối với chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Điều đó thể hiện chị L cũng không có nguyện vọng muốn đoàn tụ với anh B, bỏ mặc cho mọi hậu quả xảy ra. Xét thấy, anh B và chị L không phải là vợ chồng hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thụ lý vụ án và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này.

[3] Về con chung: Em Nguyễn Bình H, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2003, đã trưởng thành. Anh Nguyễn Văn B không có yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn B trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B.

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Nguyễn Văn B và chị Ngô Thị Thùy L.

Về con chung: Em Nguyễn Bình H, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2021, đã trưởng thành. Anh Nguyễn Văn B không có yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005427 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên anh B không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Khoa